

Số: 1009.../QĐ-UBND

Tân Yên, ngày 11... tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Việt Ngọc,  
huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/500**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/2/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí khảo sát xây dựng; Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị; Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”, mã số QCVN 07:2016/BXD; Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về ban hành “ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND huyện Tân Yên V/v phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tỷ lệ 1/5.000;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Công văn số /SXD-QHKT ngày / /2019 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc thống nhất quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên tỷ lệ 1/500.

Xét Báo cáo thẩm định số 37 /BCTĐ- KTHT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên tỷ lệ 1/500 (có đồ án quy hoạch chi tiết kèm theo), với nội dung sau:

#### **1. Vị trí, ranh giới, quy mô và tính chất khu vực lập quy hoạch:**

##### **a. Vị trí, ranh giới khu đất:**

\* **Vị trí:** Khu vực lập quy hoạch nằm ở vị trí trung tâm xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên (thuộc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên).

##### **\* Ranh giới nghiên cứu:**

- Phía Bắc: Giáp công ty Việt Mỹ và kênh tưới 2/3;
- Phía Nam: Giáp đường tỉnh 295 và khu dân cư hiện trạng thôn Ngõ Nành;
- Phía Đông: Giáp ruộng canh tác;
- Phía Tây: Giáp đường tỉnh 297.

##### **b. Quy mô đồ án:**

- Quy mô lập quy hoạch khoảng 10 ha;
- Quy mô dân số khoảng 1.200 người.

**c. Tính chất:** Là khu dân cư mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Đáp ứng nhu cầu đất ở, thương mại - dịch vụ trên địa bàn, tạo động lực phát triển cho khu vực và vùng phụ cận.

#### **2. Các chỉ tiêu cơ bản của đồ án:**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>		
1.1	Đất ở		
	Nhà ở chia lô liên kề	m <sup>2</sup> / người	≥ 25
1.2	Đất công trình công cộng	m <sup>2</sup> /người	≥ 5
1.3	Đất công trình cây xanh, TDTT	m <sup>2</sup> /người	≥ 3
<b>II</b>	<b>Tầng cao trung bình</b>		
2.1	Nhà ở chia lô liên kề	tầng	3+5
2.2	Công trình công cộng	tầng	≥ 1

<b>III</b>	<b>Mật độ xây dựng trong các lô đất</b>	%	
3.1	Nhà ở chia lô liền kề	%	80
3.2	Công trình công cộng	%	40
<b>IV</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>		
4.1	Giao thông	Đường nhỏ nhất trong khu ở	16,5 m
4.2	Thoát nước		
	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>	≥ 4
4.3	Cấp nước		
	+ Nước sinh hoạt	l/ng/ngày đêm	≥ 100
	+ Công trình công cộng	l/m <sup>2</sup> sàn-ngđ	≥ 2
	+ Công trình mầm non	l/cháu -ngđ	≥ 100
	+ Cây xanh	l/m <sup>2</sup> .nd	≥ 3
4.4	Cấp điện		
	+ Nhà ở chia lô liền kề	kw/hộ	3
	+ Công trình công cộng	w/m <sup>2</sup> sàn	15÷40
	+ Công trình mầm non	w/cháu	0,15
	+ Chiếu sáng đường	kw/km	7÷12
4.5	Thoát nước thải	% cấp nước	90
4.6	Vệ sinh môi trường	kg/người.ngđ	0,8

### 3. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Số lô
<b>I</b>	<b>Đất ở</b>		<b>32.307</b>	<b>32,49</b>	<b>305</b>
1	Đất ở liền kề	LK	32.307	32,49	305
<b>II</b>	<b>Đất công cộng</b>	<b>CC</b>	<b>12.805</b>	<b>12,88</b>	
1	Đất chợ truyền thống	CH	8.709	8,76	
2	Đất văn hóa - thể thao	VHTT	1.273	1,28	
3	Đất giáo dục (trường mầm non)	GD	2.823	2,84	
<b>III</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>CX</b>	<b>9.064</b>	<b>9,11</b>	
<b>IV</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>KT, R</b>	<b>2.487</b>	<b>2,50</b>	
<b>V</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>GT</b>	<b>42.068</b>	<b>42,30</b>	

VI	Đất bãi đỗ xe	P	716	0,72	
	Tổng		99.447	100,00	

#### 4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

##### 4.1. Các nguyên tắc tổ chức không gian.

Áp dụng các mô hình phát triển không gian hiện đại thân thiện với môi trường, tiên tiến, hiệu quả cao trong đầu tư;

Phát huy lợi thế về giao thông liên vùng để nâng cao tính thẩm mỹ kiến trúc và cảnh quan tạo điểm nhấn cho khu vực cửa ngõ của huyện Tân Yên;

Phát huy các điểm mạnh hiện trạng, tài nguyên đất tự nhiên đồng thời khắc phục những đặc điểm bất lợi để tạo ra tính sinh thái cho Khu dân cư mới và dân cư trong cũng như nằm ngoài khu vực lập quy hoạch;

Khai thác hình dạng khu đất để tạo ra lõi trung tâm có tính liên kết không gian với những khu vực dân cư hiện hữu và các dự án tại các khu vực lân cận.

##### 4.2. Định hướng tổ chức không gian.

- Đây là khu vực dân cư cấp đô thị đã được xác định theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới với quan điểm hiện đại, hạ tầng đồng bộ vì vậy việc tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc phải tạo được bộ mặt dân cư có môi trường cảnh quan hấp dẫn, đa dạng, hợp lý, tiện nghi, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và nghỉ ngơi tốt nhất cho người dân sống trong khu dân cư, với nguyên tắc đó thì tổ chức không gian chính được dự kiến như sau:

- Trên cơ sở tuyến đường tỉnh 295 và đường tỉnh 297 theo QH giao thông tỉnh Bắc Giang tổ chức các tuyến đường có mặt cắt 33 m; 20,5 m; 16,5 m;

- Trên cơ sở mạng lưới giao thông này, tổ chức các không gian chức năng ơ, công cộng, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật khác như:

+ Khu ở mới bố trí phân đều toàn bộ khu đất dự án;

+ Khu công cộng bố trí tại trung tâm các tiểu khu ở;

+ Khu cây xanh bố trí phân tán trong các tiểu khu ở và các lô đất xen kẽ;

+ Khu hạ tầng kỹ thuật được đi chìm trong các hào cáp kỹ thuật. công trình hạ tầng bố trí các vị trí thuận lợi, tiện ích và phải đảm bảo mỹ quan dân cư đô thị.

##### 4.3. Tổ chức không gian các công trình nhà ở

Nhà ở liền kề được bố trí tiếp cận các trục đường phân khu và đường gom, cao tối đa 5 tầng, kiến trúc mặt ngoài hài hòa giữa hiện đại với cổ điển tạo cho dân cư có không gian kiến trúc hiện đại, sang trọng. Kích thước lô đất (rộng 5-7 m x dài 20 m); ≤5 tầng; DT 100÷120 m<sup>2</sup>.

##### 4.4. Tổ chức không gian công trình công cộng

+ Công trình chợ truyền thống được bố trí phía Đông dự án, tại ngã tư giao nhau giữa 2 đường trục chính 33 m và 20,5 m; cạnh nhà văn hóa mới. Tạo điểm nhấn đẹp, hiện đại cho cảnh quan không gian khu công cộng. Thuận lợi cho các doanh nghiệp các hộ kinh doanh vận chuyển, buôn bán, trao đổi hàng hóa sản phẩm. Chiều cao tối đa 5 tầng. MĐXD tối đa 70%;

+ Nhà văn hóa được bố trí tại phía Bắc dự án, tại ngã ba đường liên thôn kết hợp với bãi đỗ xe khuôn viên cây xanh, sân thể thao tạo điểm nhấn đẹp, hiện đại cho không gian kiến trúc cảnh quan khu ở mới, thuận lợi cho người dân tiếp cận, sinh hoạt cộng đồng, giao lưu văn hóa, văn nghệ cho nhân dân, chiều cao tối đa 2 tầng. MĐXD tối đa 40%;

+ Công trình trường mầm non được bố trí phía Bắc dự án, giáp kênh 2/3. Gồm các khối lớp học, nhà quản lý, sân chơi, vườn cổ tích, các không gian vui chơi thể thao ngoài trời cho trẻ. Không xây từng rào đặc phía cổng chính và phía có các mặt đứng chính của khối lớp học, nhà hiệu bộ, Chỉ xây tường rào gạch phía mặt sau các công trình; mật độ xây dựng 25÷40%, cao tối đa 2 tầng. Khoảng lùi tối thiểu 3,0 m.

#### ***4.5. Tổ chức không gian cây xanh mặt nước, sân vui chơi, thể thao***

Gồm 02 khu cây xanh kết hợp sân thể thao phân bố đều trong dự án, đảm bảo bán kính phục vụ người dân dân cư mới và dân cư hiện hữu.

Đây là nơi nghỉ ngơi, thư giãn, luyện tập thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, giao lưu cộng đồng, góp phần làm giảm áp lực công việc cho người dân sau một ngày lao động. Khuôn viên được thiết kế trồng cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, chòi nghỉ, ghé ngồi, các thiết bị luyện tập TDTT và vui chơi cho trẻ em, mật độ xây dựng tối đa 5%.

+ Khu số 1 nằm phía Nam dự án là khuôn viên cây xanh, đường dạo;

+ Khu số 2 phía Bắc dự án giáp trường mầm non mới, sân thể thao, nhà văn hóa kết hợp thành không gian công cộng giáo dục và cây xanh. Phục vụ vui chơi, giải trí, học tập ngoài trời cho các cháu mầm non và người dân khu vực.

#### ***4.6. Tổ chức không gian hạ tầng kỹ thuật***

+ Quy hoạch một đường gom cho đường tỉnh 297 nhằm giảm thiểu tối đa mật độ phương tiện tham gia giao thông của người dân giáp đường tỉnh 297, bảo đảm an toàn cho người và các phương tiện trên đường tỉnh 297.

+ Đường gom, đường nội bộ và bãi đỗ xe tĩnh được tổ chức trồng cây xanh bóng mát, đèn chiếu sáng đường, nâng cao tỷ lệ cây xanh, làm đẹp cảnh quan đô thị.

+ Không gian các công trình cấp thoát nước, được bố trí đi ngầm dưới vỉa hè, phía sau nhà ở. Hệ thống đường dây cấp điện được bó gọn trong hào cáp, tuy

nen, đi ngầm dưới vỉa hè, công thoát nước, không làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị và đảm bảo an toàn cho người dân.

## **5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:**

### **5.1. San nền:**

#### **a) Cơ sở thiết kế**

- Bản đồ đo vẽ trực tiếp khu vực nghiên cứu tỷ lệ: 1/500, bằng phương pháp toàn đạc, hệ cao độ quốc gia;

- Tuân thủ định hướng chính của Quy hoạch chung xây dựng xã về nền và hướng thoát nước mặt;

- Tận dụng tối đa điều kiện hiện trạng, đảm bảo thoát nước mặt tốt và giao thông an toàn, thuận tiện;

- Đầu nối hợp lý, hài hòa giữa các khu vực đã xây dựng, với khu vực dự kiến phát triển và với các quy hoạch, dự án đã được duyệt có liên quan với khu dân cư;

- Thoả mãn các yêu cầu, tiêu chí về kỹ thuật đồng thời tôn tạo vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, giảm thiểu khối lượng san nền và kích thước các tuyến công.

#### **b) Nguyên tắc thiết kế**

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, sử dụng hợp lý, tiết kiệm đất.

- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, hạn chế đến mức tối đa khối lượng đào đắp, thi công đất.

- Đảm bảo thoát nước mặt thuận lợi (thoát nước mặt tự chảy), không gây xói mòn, rửa trôi đất

- Phù hợp với khu vực lân cận và quy hoạch chung đã duyệt.

- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật hiệu quả nhất.

#### **c) Giải pháp kỹ thuật san nền**

##### **+ Tiêu chuẩn thiết kế**

- Tiêu chuẩn TCVN 9436: 2012

- Tiêu chuẩn TCVN 4447: 2012

##### **+ Giải pháp kỹ thuật san nền**

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền khống chế, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu, lèn và tạo độ dốc ta luy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Sau khi hoàn thiện mặt nền đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cốt san nền thiết kế được lấy theo cốt thiết kế các tuyến theo quy hoạch.

- Cốt san nền thấp nhất là +10,80 m; cốt san nền cao nhất là +12,0 m.

\* *Thiết kế san nền: Chia làm 2 bước:*

+ Thiết kế san nền giai đoạn sơ bộ nhằm dự trữ khối lượng đất san nền trong phạm vi của dự án tới cao độ xây dựng, tính khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 30\*30m;

+ San nền chi tiết: Khi xây dựng hạ tầng kỹ thuật sẽ thiết kế chi tiết san nền từng lô cụ thể, hoàn thiện sân đường nội bộ. Khối lượng san nền sơ bộ như sau:

- Khối lượng đào: 0,00 m<sup>3</sup>;
- Khối lượng đắp: 97.918,89 m<sup>3</sup>;
- Diện tích đào: 0,00 m<sup>2</sup>;
- Diện tích đắp: 99.241,92 m<sup>2</sup>.

## **5.2. Giao thông:**

a) Các nguyên tắc và căn cứ thiết kế

\* Nguyên tắc: Tuân thủ các dự án đã và đang triển khai nằm trong khu vực thiết kế; Đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đúng theo quy chuẩn QCVN: 07: 2016;

\* Căn cứ thiết kế: Bản đồ khảo sát nền hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch tỷ lệ 1/500 lập năm 2017.

b) Giải pháp thiết kế mạng lưới đường trong khu vực lập quy hoạch:

\* *Mạng lưới:* Mạng lưới đường của khu dân cư được thiết kế mới và mở rộng kết hợp với mạng lưới đường hiện có tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa các khu chức năng trong khu dân cư.

\* *Đồ án quy hoạch có quy mô các tuyến giao thông chính sau:*

+ **Đường đối ngoại:**

Mặt cắt (1-1) của đường tỉnh 297 là 33,0 m; trong đó lòng đường tỉnh 295 là 9,0 m; dải phân cách 2,0 m; đường gom rộng 7,5 m; hè đường 1x 10,0+1x4,5 m.

+ **Đường trong khu dân cư:**

- Mặt cắt (2-2) rộng 33,0 m; trong đó lòng đường là 2x9,0 m; dải phân cách 3,0 m; hè đường mỗi bên 6,0 m.

- Mặt cắt (3-3) rộng 20,5 m; trong đó lòng đường là 10,5 m; hè đường mỗi bên 5,0 m.

- Mặt cắt (4-4) là 16,5 m; trong đó lòng đường 7,5 m; hè đường 2 bên 2x4,5m=9,0 m.

c) Giải pháp thiết kế:

- Theo tiêu chuẩn TCXDVN 104: 2007; TCVN 4054-2005; QCVN 07-04:2016/BXD; 22TCN 211-06; TCVN 9436: 2012; TCVN 4447: 2012

- Đường đôi ngoài (áp dụng cho mặt cắt đường tỉnh 297 và mặt cắt 2-2): Cấp kỹ thuật: Cấp 50; Tiêu chuẩn kỹ thuật: Tốc độ thiết kế: 50 km/h; Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn:  $R_{\min} = 80(m)$ ; Bán kính đường cong đứng lồi giới hạn:  $R_{\min} = 800(m)$ ; Bán kính đường cong lõm giới hạn:  $R_{\min} = 700(m)$ ; Độ dốc dọc lớn nhất:  $i_{\max} = 6\%$ ; Độ dốc ngang mặt đường:  $i_n = 2\%$ ; Độ dốc ngang hè đường:  $i_h = 1,5\%$ ; Mái dốc taluy đắp: 1/1,5; Mái dốc taluy đào: 1/1;

- Đường đôi nội (áp dụng cho đường gom của ĐT 297 và mặt cắt còn lại); + Cấp kỹ thuật: Cấp 40; Tiêu chuẩn kỹ thuật: Tốc độ thiết kế: 40km/h; Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn:  $R_{\min} = 60(m)$ ; Bán kính đường cong đứng lồi giới hạn:  $R_{\min} = 450(m)$ ; Bán kính đường cong lõm giới hạn:  $R_{\min} = 450(m)$ ; Độ dốc dọc lớn nhất:  $i_{\max} = 7\%$ ; Độ dốc ngang mặt đường:  $i_n = 2\%$ ; Độ dốc ngang hè đường:  $i_h = 1,5\%$ ; Mái dốc taluy đắp: 1/1,5; Mái dốc taluy đào: 1/1;

\* Thiết kế nền đường.

Nền đường được đắp bằng đất cấp III lu lèn chặt; trước khi đắp phải tiến hành đào bỏ lớp đất hữu cơ trên mặt ruộng, đắp nền theo từng lớp.

\* Kết cấu bó vỉa lát hè:

+ Loại vỉa vát 23x26x100 cm được bố trí ở phía vỉa hè của các đường để thuận tiện cho các phương tiện lên xuống. Tại các đoạn thẳng chiều dài bó vỉa đục sẵn là 1,0m, tại các đoạn cong vượt nối chiều dài bó vỉa đục sẵn là 0,5 m.

+ Đan rãnh (30x50x7) được bố trí ở mép nhựa phía hè đường.

+ Vỉa hè lát gạch Terrazzo hoặc gạch tự chèn.

\* Cây xanh:

+ Bố trí các hố trồng cây hai bên đường trong các vị trí có hè đường với khoảng cách 10 m/hố.

+ Kích thước của hố trồng cây (1,44x1,44)m

+ Hố trồng cây xây bằng gạch chỉ VXM mác #75.

\* Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng

Chỉ giới đường đỏ trên tất cả các tuyến đường tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới theo quy hoạch:

- Với các khu đất ở liên kế, chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ, khoảng lùi sau nhà tối thiểu 2 m.

- Với khu đất chợ truyền thống khoảng lùi chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng tối thiểu 3 m.

- Với khu đất xây dựng nhà văn hoá, trường học, khuôn viên cây xanh khoảng lùi chỉ giới đường đỏ cách chỉ giới xây dựng tối thiểu 3 m.

### 5.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước



*\* Nguồn nước:*

Nguồn cấp nước cho khu quy hoạch: Hiện tại khu vực xã Việt Ngọc chưa có hệ thống cung cấp nước sạch. Trong tương lai lấy từ nhà máy nước của xã được đầu tư vào dự án.

*\* Giải pháp thiết kế:*

- Lắp đặt mạng lưới cấp nước, căn cứ vào các tiêu chuẩn dùng nước xác định được đường kính ống lớn nhất là D110 và nhỏ nhất là D50, đường ống được dùng là ống nhựa HDPE PN10. Các tuyến ống được lắp đặt phía trước nhà và có đồng hồ van chặn để tiện cho công tác quản lý. Không lắp đặt van xả khí trên mạng lưới vì các họng lấy nước của các hộ tiêu thụ có nhiệm vụ thay thế van xả khí.

- Mạng lưới đường ống được tổ chức theo sơ đồ vòng kết hợp nhánh cụt xương cá. Nước sinh hoạt được cấp vào bể ngầm của hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D63.

- Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu 0,6 m; qua đường là 0,7-0,8m.

#### **5.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước**

##### **5.4.1 Hệ thống thoát nước mưa**

\* Cơ sở thiết kế: QCVN 01: 2008/BXD quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng; TCVN 7957-2008 Tiêu chuẩn thiết kế mạng lưới thoát nước bên ngoài và công trình; QCVN 07-02:2016/BXD Công trình thoát nước.

*\* Hiện trạng thoát nước.*

- Toàn bộ khu vực quy hoạch là ruộng canh tác và ruộng trồng, nước mưa được thoát theo địa hình tự nhiên chảy về mương rãnh hiện trạng thoát vào mương đất ao trồng dọc đường và thoát qua cống hiện trạng qua ĐT 295 thoát vào mương tiêu hiện có.

*\* Giải pháp thiết kế mạng lưới thoát nước mưa.*

- Hệ thống thoát nước thiết kế cho khu vực quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải. Hệ thống thoát nước theo chế độ tự chảy.

*- Hướng thoát nước: Nước mưa được thoát theo hướng từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông qua hệ thống cống tròn BTCT thoát ngầm qua tuyến đường tỉnh 295.*

*- Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các cửa thu có song chắn rác, rồi tập chung chảy về các hố ga trên tuyến cống thoát nước mưa.*

- Hệ thống giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau 30-40 (m).

- Độ dốc cống thoát nước lấy theo độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ .

- Hồ ga được xây bằng gạch bê tông không nung, đáy hồ ga đổ bê tông M200 dày 20cm trên lớp đá dăm dày 10cm. Nắp hồ ga là tấm đan BTCT dày 10cm đổ tại chỗ.

- Đường kính cống thoát nước được thiết kế căn cứ vào lưu lượng nước mưa của dự án và các khu vực lân cận, cống được dùng là cống bê tông cốt thép ly tâm có đường kính từ D400-B1500.

#### **5.4.2. Hệ thống thoát nước thải.**

\* **Cơ sở thiết kế:** QCXDVN 01:2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Quy hoạch xây dựng; TCVN 7957-2008: Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình; QCVN 07-2:2016/BXD Công trình thoát nước;

Hiện trạng khu vực quy hoạch chưa có hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải sinh hoạt, sản xuất được thoát theo hệ thống thoát mưa chảy về các khu vực trũng.

#### **\* Giải pháp thiết kế:**

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt, được thoát vào mạng lưới thoát nước thải rãnh thu B400 sau nhà, thu về hồ ga theo hệ thống cống thoát nước HDPE D300 gân xoắn 2 lớp vào bể lắng nước thải.

- **Hướng thoát nước: Hướng thoát nước thải thoát theo hướng Bắc xuống Nam vào bể lắng nước thải.**

- Độ dốc tối thiểu  $i = 1/D$ .

- Hệ thống giếng thăm được bố trí cách nhau 20-30 (m)

- Lưu lượng nước thải được tính bằng 90% lưu lượng nước cấp:

$$Q = 90\% * 170 = 150 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$$

- Nước thải được đưa về bể lắng nước thải với công suất của bể là 150 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nước thải sau xử lý lắng được đưa vào cống thoát nước BTCT-D600, thoát ra hồ ga vào hệ thống thoát nước mưa.

### **5.5. Cấp điện**

#### **5.5.1 Nguồn điện:**

- Chỉ tiêu cấp điện : Đất nhà liền kề: 5 kW/1 hộ; Đất nhà vườn: 7 kW/1 hộ; Đất công cộng: 15÷30 w/m<sup>2</sup> sàn; Đất giáo dục mầm non: 0,15 kw/1 cháu; Chiếu sáng đường: 7,5 kW/km.

- Phương án cấp điện: Khu vực được cấp điện từ nguồn điện của mạng lưới Quốc gia cung cấp thông qua trạm 110kV Đức Thắng;

- Vị trí đầu dự kiến tại lộ 471E7.11 điểm đầu tại vị trí cột xây mới dịch chuyển;

- Toàn bộ khu vực quy hoạch 03 trạm biến áp kiot có công suất phù hợp theo tiêu chuẩn về diện tích phục vụ có công suất mỗi trạm TBA-01 1X 400kVA TBA-02: 1X630kVA, TBA-03:1x320kVA;

### **5.5.2. Lưới điện:**

#### **\* Lưới điện trung thế 22kV:**

- Hiện trạng: Nằm trong khu vực nghiên cứu có đường dây 22kV đi qua dự án từ vị trí cột 471 e7.11-95 đến vị trí cột 471 e7.11-99 và hai tuyến trung thế cấp đến trạm biến áp Việt Ngọc-5 và Việt Ngọc-6

- Giải pháp: Dịch chuyển tuyến trung thế đi qua dự án từ cột 471 e7.11-95 đến vị trí cột 471 e7.11-99 bằng các cột xm-1 đến cột xm-11 nằm trên vỉa hè cánh bó vỉa từ 1-1.2m

+ Hoàn trả tuyến 471 e7.11 tại vị trí cột xm-7 (vị trí cột xây mới) tiết diện dây lựa chọn acrs/xlpe/pvc-3x185m có chiều dài 580m

+ Tháo dỡ tuyến cấp đến trạm biến áp Việt Ngọc 5 và Việt Ngọc 6 từ vị trí cột lần lượt là từ 1VN5- 2VN5, 1VN6-4VN-6

+ Hoàn trả tuyến cấp trạm Việt Ngọc 5 tại vị trí cột xm-6 (vị trí cột xây mới) và trả tuyến cấp trạm Việt Ngọc 6 tại vị trí cột xm-11 (vị trí cột xây mới) sử dụng acrs/xlpe/pvc-3x185m có tổng chiều dài 152m, đường trung thế cấp đến các trạm biến áp của dự án sử dụng cáp ngầm cu/xlpe/pvc-3x240m có chiều dài 305m.

#### **- Lưới điện hạ thế:**

+ Trên cơ sở trạm biến áp đó thiết kế xây dựng đường dây 0,4kV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu dùng điện. Toàn bộ đường dây hạ thế đi ngầm.

+ Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220kV ba pha bốn dây trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế khu vực sử dụng cáp ngầm tiết diện XLPE-185, XLPE-150, XLPE-120, XLPE-95, XLPE-70, XLPE-50 đi trong tuynel hoặc trong hào kỹ thuật.

+ Bán kính lưới hạ thế không quá 300 m trong khu quy hoạch, nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây.

+ Đường dây 0,4kV xây dựng mới đi ngầm dài 1771 m.

#### **- Lưới điện chiếu sáng:**

+ Xây dựng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo mỹ quan cho toàn khu. Cột đèn chiếu sáng dùng cột bát giác cao từ 7÷10 m tùy theo mặt cắt ngang đường. Dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x16+1x10. Có tổng chiều dài là 2239 m.

+ Hệ thống đường dây chiếu sáng được bố trí đi ngầm dưới vỉa hè đảm bảo mỹ quan khu dân cư.

+ Đèn chiếu sáng dùng đèn cao áp 150W có ánh sáng màu vàng hoặc đèn có các thông số kỹ thuật tương đương. Độ dọi:

+ Đường chính:  $0,8 \div 1 \text{ cd/m}^2$ .

+ Đường khu vực:  $0,6 \div 0,8 \text{ cd/m}^2$ .

+ Để phù hợp với địa hình thực tế và để giảm kinh phí xây dựng, bố trí đèn 1 phía hoặc 2 phía tùy thuộc vào mặt cắt ngang đường và có khoảng cách đèn từ  $30 \div 50 \text{ m}$ .

### **5.6 Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.**

- Xây dựng hệ thống công bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng công bể để phát triển dịch vụ;

- Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống công bể, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể trộn trực tiếp ống nhựa dưới mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị. Và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công;

Các công bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng - theo quy chuẩn của ngành;

- Điểm đầu: Đầu nối hệ thống thông tin liên lạc khu dân cư trên tuyến tuyến đường tỉnh 297;

- Hệ thống công, bể kỹ thuật: Bố trí hệ thống thông tin liên lạc đi chung trong tuyến công bể kỹ thuật, chôn ngầm dưới vỉa hè, khoảng cách giữa các hố ga kéo cáp từ  $70 \div 100 \text{ m}$ , tuyến công trực chính sử dụng các ống PVC D110.

- Đường cáp phân phối: Sử dụng cáp quang đi ngầm, đầu nối từ điểm đầu trên đường tỉnh 297, kéo vào các tủ MDF bố trí trên hè, lựa chọn các vị trí gần tủ điện hạ thế để tiện quản lý, vận hành, tiết kiệm không gian bố trí hạ tầng trên hè phố. Tủ cáp dự kiến bố trí 5 tủ phân phối cho khu vực dân cư đô thị và công trình công cộng. Mỗi tủ cáp bố trí tối đa 4 hộp cáp, mỗi hộp cáp bố trí tối đa 50 đôi (tương đương 50 hộ dịch vụ).

- Đường cáp dịch vụ: Bố trí cáp quang đi ngầm trong các tuyến công nhánh D50, đầu nối từ tủ MDF ra các hộp cáp, đường cáp quang dịch vụ từ hộp cáp theo hào đi chung chôn ngầm dưới vỉa hè, dẫn ra các ga-ni-vo đầu vào các hộ sử dụng, dự kiến sẽ bố trí cứ 2 hộ sử dụng chung 1 ga-ni-vo dịch vụ.

- Tổng nhu cầu thuê bao thông tin liên lạc của toàn bộ khu dân cư khoảng 305 thuê bao. Đảm bảo mỗi hộ có 01 đường cáp quang băng thông rộng có tích hợp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin.

## 6. Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật:

Hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa đều được bố trí trên phần đất hè đường quy hoạch.

## 7. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (giao thông, san nền, điện, nước, bãi xe).
- Khuôn viên cây xanh cảnh quan.
- Công trình công cộng (Nhà văn hóa).

**8. Các nội dung khác:** Theo Báo cáo thẩm định số /BC-KTHT ngày ...../9/2019 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tân Yên và thuyết minh quy hoạch chi tiết kèm theo.

**Điều 2.** Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý quy hoạch có trách nhiệm quản lý, giám sát tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND huyện, phòng KT&HT, TC-KH, TN-MT, Trung tâm PTQĐ&CCN huyện; UBND xã Việt Ngọc và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT;

**Bản điện tử:**

- Như điều 3;

- Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang;

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Lai